

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST.

Ngày: 10/6/2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng.

+ Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2019/TLST-DS ngày 18/12/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 82/12/10 Lý Thái T, ấp Bến C, xã Phước T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng N.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 24, hẻm Lý Nam Đ, khu Cầu X, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Hứa Thái C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 24, hẻm Lý Nam Đ, khu Cầu X, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà G, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2019, bản tự khai ngày 07/01/2020 và các ý kiến tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn ông Đỗ Thành N trình bày:*

Ngày 27/3/2017, ông có cho bà G, ông C vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Khi vay, có lập hợp đồng vay tiền, có chứng thực của Phòng công chứng số 4 tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian vay, bà G, ông C đã trả cho ông được 14.000.000 đồng tiền lãi (từ ngày 27/3/2017 đến ngày 01/01/2019), nợ gốc bà G, ông C chưa thanh toán. Hiện tại, bà G, ông C còn nợ ông tiền nợ gốc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 29/11/2019 số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Nay, ông yêu cầu bà G cùng ông C phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

+ *Bị đơn bà Nguyễn Thị G không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.*

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Đỗ Thành N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị G, ông Hứa Thái C phải trả lại cho ông số tiền nợ gốc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thành N. Buộc bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C phải thanh toán số tiền còn nợ cho ông Đỗ Thành N 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định

hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C nhưng bà G, ông C không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Thành N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đỗ Thành N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C. Cùng địa chỉ: Số 24, hẻm Lý Nam Đ, khu Cầu X, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27/3/2017, ông Đỗ Thành N có cho bà Nguyễn Thị G vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Khi vay có lập hợp đồng vay tiền, có chứng thực của Phòng công chứng số 4 tỉnh Đồng Nai. Do, vợ chồng bà G, ông C không thanh toán nợ gốc cho ông N, chỉ thanh toán được 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền lãi suất. Nay, ông yêu cầu bà G và ông C phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi 15.000.000 đồng (từ ngày 01/02/2019 đến ngày 29/11/2019 theo mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng nợ gốc, lãi là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Đối với bà G, ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà G, ông C không đến Tòa cung cấp chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại hợp đồng vay tiền ngày 27/3/2017 giữa ông Đỗ Thành N và bà Nguyễn Thị G, được phòng Công chứng số 4 tỉnh Đồng Nai lập, công chứng số 3451/2017 quyền số 06/2017/TP/CC-SCC/HĐGD đã thể hiện bên cho vay ông Đỗ Thành N, bên vay bà Nguyễn Thị G vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1%/tháng. Thể hiện trong hợp đồng không có tên ông C nhưng ông C đã biết rõ việc bà G vay tiền của ông N và đã tự nguyện

cùng bà G thanh toán tiền lãi hàng tháng cho ông N. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông N cho bà G vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng nhưng không thể hiện đã trả số tiền vay theo hợp đồng. Do, bà G và ông C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ, đúng thời hạn và tự ý rời khỏi địa phương làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N. Vì vậy, ông N đã khởi kiện yêu cầu bà G cùng ông C có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ông Đỗ Thành N về tiền lãi suất: Xét thấy, theo hợp đồng vay tiền ngày 27/3/2017, lãi suất 1%/tháng, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ông N yêu cầu bà G cùng ông C có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền lãi từ ngày 01/02/2019 đến ngày 29/11/2019 theo mức lãi suất 1%/tháng, cụ thể: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 15.000.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị G cùng ông Hứa Thái C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Thành N số tiền gốc, lãi tổng cộng 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thái C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán là 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng $\times 5\% = 8.250.000$ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Thành N tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.125.000 (Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0002843 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thành N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị G cùng ông Hứa Thái C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Thành N số tiền 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

2- Về án phí: Bà Nguyễn Thị G, ông Hứa Thái C phải chịu 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Thành N tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.125.000 (Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0002843 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

